

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 8 – 2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tân.

2. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Diệu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Khóm V, Phường C, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Lê Thị Diệu H trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Lê Thị Diệu H và ông Lê Văn P chung sống như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn. Do phát sinh mâu thuẫn nên ông, bà đã không còn chung sống với nhau hơn 03 năm. Trong quá trình chung sống, bà H và ông P có 02 con chung là anh Lê Bình P1, sinh ngày 26-3-1994 và chị Lê Thị Y P2, sinh ngày 23-02-1999, đều đã có gia đình riêng.

Nay bà Lê Thị Diệu H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn P;
- Về con chung: Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn Lê Văn P:

Về quan hệ nam nữ chung sống như vợ chồng không có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn trong đời sống chung giữa ông và bà Lê Thị Diệu H diễn ra đúng như lời trình bày của bà H. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông P đồng ý. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn về tài sản chung, nợ chung, ông P từng trình bày về việc đòi lại số tiền và đồ dùng mà khi bỏ đi bà H đã mang theo. Nhưng tại phiên tòa, ông không đặt ra nữa, yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Ly hôn*” trong trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày về mối quan hệ nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn của họ được xác lập từ năm 1995. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, việc nam, nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay một bên cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đương sự thống nhất việc các con chung đã thành niên nên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Diệu H.

- Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Diệu H và ông Lê Văn P.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007348 ngày 20-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm